TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST
Ngày: 30/7/2018.
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán vật tư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hiền.

2. Ông Nguyễn Văn Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2018/QĐST-KDTM ngày 12/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên X;

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thái H, sinh năm 1977 – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1251 ngày 30/7/2018 của Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M (Vắng mặt).

Địa chỉ cũ: Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Địa chỉ mới: Phường C, Quận Z, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn có ông Bùi Kim S là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/6/2014 Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên X – xí nghiệp X và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M có ký hợp đồng kinh tế số 51/HĐKT/2014 về việc cung cấp ống thoát nước BTLT phục vụ thi công công trình Nút giao thông Đại học quốc gia – Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó hai bên bổ sung Phụ lục hợp đồng số 51A/PLHĐ/XNXD ngày 10/12/2014.

Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên X – xí nghiệp X đã giao hàng cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M theo hợp đồng với tổng giá trị tiền hàng là 1.788.014.400 đồng.

Ngày 31/12/2016, hai bên đã tiến hành ký biên bản xác định công nợ của hợp đồng và phụ lục hợp đồng, xác nhận đến ngày 31/12/2016 Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M còn nợ 422.275.800 đồng (ngày cuối cùng thanh toán là 14/10/2016). Từ đó đến nay Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M không thánh toán thêm được khoản tiền nào.

Vì vậy, Công ty TNHH Một thành viên X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải thanh toán ngay số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh do chận thanh toán là 602.144.111 đồng (Trong đó: nợ tiền hàng 422.275.800 đồng, nợ tiền lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 179.868.311 đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn có bà Hồ Thái H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên X tiếp tục yêu cầu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải thanh toán số tiền hàng còn nợ là 422.275.800 đồng. Về tiền lãi, Công ty TNHH Một thành viên X có thay đổi là chỉ yêu cầu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải trả lãi theo mức 0,5%/tháng của số tiền 422.275.800 đồng từ ngày 14/10/2016 đến ngày xét xử 30/7/2018 là: 45.535.407 đồng. Tổng cộng cả nợ vốn và lãi là: 467.811.207 đồng. Yêu cầu trả ngay một lần khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M đã được Tòa án tiến hành tống đạt niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa đã công khai các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý và Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tiến hành thủ tục tố tụng được thực hiện đầy đủ và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung yêu cầu của đương sự: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do tại thời điểm Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý vụ án, bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về tố tụng:

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ và theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M đã được Tòa án triệu tập và tống đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Xét phạm vi giải quyết của vụ án: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy phạm vi giải quyết vụ án là trong phạm vi các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/5/2018 thì nguyên đơn có mặt và đã thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn vắng mặt và đã được tống đạt niêm yết Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đương sự đã được thực hiện kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ được Tòa án thu thập; đương sự không có giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ khác.

Nguyên đơn đã được tiếp cận các chứng cứ, bị đơn đã được tống đạt niêm yết biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

không ai có yêu cầu, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 91, 91, Điều 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải thanh toán số tiền hàng còn nợ là 422.275.800 đồng. Về tiền lãi, Công ty TNHH Một thành viên X có thay đổi là chỉ yêu cầu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải trả lãi theo mức 0,5%/tháng của số tiền 422.275.800 đồng từ ngày 14/10/2016 đến ngày xét xử 30/7/2018 là: 45.535.407 đồng. Tổng cộng cả nợ vốn và lãi là: 467.811.207 đồng. Yêu cầu trả ngay một lần khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản xác định công nợ ngày 31/12/2016 giữa hai bên thì Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M còn nợ Công ty TNHH Một thành viên X số tiền hàng: 422.275.800 đồng. Do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M không thanh toán tiếp số tiền trên nên Công ty TNHH Một thành viên X khởi kiện yêu cầu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải trả số tiền trên là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ buộc bị đơn phải trả lãi mức 0,5%/tháng tính từ ngày 14/10/2016 (ngày cuối cùng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M thanh toán tiền lần cuối) đến ngày xét xử 30/7/2018 là: 45.535.407 đồng, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và việc tính lãi 0,5%/tháng là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, do đó có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét thấy, việc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M nợ tiền đã lâu là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền trên một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

- Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là: 22.712.448 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; Điều 95, 96; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên X:

Buộc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải trả cho Công ty cho Công ty TNHH Một thành viên X số tiền vốn là 422.275.800 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/7/2018 là 45.535.407 đồng; tổng cộng là 467.811.207 đồng (bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm mười một ngàn hai trăm lẻ bảy đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M phải nộp là 22.712.448 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.042.882 đồng theo biên lai số 0008494 ngày 16/10/2017 của Thi hành án dân sự Quận 2.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Thời hạn kháng cáo bản án của Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên X là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Thời hạn kháng cáo bản án của Bị đơn Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

- Thời hạn kháng nghị bản án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *Tòa án nhân dân TP.HCM;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;*
- *Lưu VT, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Nam Phương